

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2021/HS-ST**

Ngày 11- 3- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Đ Lâm.

Ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Phùng Anh Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn Đ**, sinh năm 1989 tại xã L, huyện H, tỉnh B. Nơi cư trú: Thôn S, xã L, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn N (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T; sinh năm 1968; vợ: chưa có và chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: - Bản án số 60/2011/HSST ngày 18/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xử phạt Trần Văn Đ 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; - Bản án số 52/2011/HS-ST ngày 26/9/2011 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên xử phạt Trần Văn Đ 01 năm 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt 01 năm tù đối với Bản án 60 ngày 18/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, buộc Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 08 tháng (đã chấp hành xong hình phạt tù, chấp hành xong hình phạt bổ sung, án phí ngày 06/02/2012, đến nay đã được xóa án tích); - Bản án số 52/2015/HSST ngày 31/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xử phạt Trần Văn Đ 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/6/2017, chấp hành xong hình phạt bổ sung, án phí ngày 29/6/2017, đến nay đã được xóa án tích); bị bắt quả tang và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2021 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang- Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Dương Thị B, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B- Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1982; TQ: Thôn N, xã M, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Mạnh Đ, sinh năm 1974; TQ: Tổ dân phố số 3, thị trấn T, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 05 phút ngày 15/01/2021, tại thôn Đ, xã N, huyện H, tỉnh B; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Hiệp Hòa bắt quả tang Trần Văn Đ, sinh năm 1989 trú tại Thôn S, xã L, huyện H, tỉnh B đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ tại túi áo khoác bên trái Đ đang mặc 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 túi nilon màu xanh, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ, bên trong có các viên nén màu hồng đỏ và màu xanh nghi là ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong toàn bộ vật chứng thu giữ trong phong bì thư có ký hiệu “QT”. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của Đ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Oriental, biển kiểm soát 98F7-9072, xe không có gương chiếu hậu, không có cánh yếm, số khung: LF3D-0061003, số máy: 0153530.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn Đ. Kết quả, không thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Ngày 15/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ra Quyết định trưng cầu giám định số 46/QĐ gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định số vật chứng nghi là ma túy thu giữ của Đ khi bắt quả tang. Tại Kết luận giám định số 111/KL-KTHS ngày 18/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: “*Trong 01 phong bì có ký hiệu “QT” đã được niêm phong gửi giám định: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có khối lượng 4,760 gam, loại Methamphetamine. Các viên nén màu hồng đỏ và màu xanh đựng trong 01 (một) túi nilon màu xanh một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ là ma túy, có tổng khối lượng 16,561 gam, loại Methamphetamine*”.

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội và nguồn gốc số ma túy của bị cáo như sau:

Khoảng 09 giờ sáng ngày 15/01/2021, Trần Văn Đ một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Oriental, biển kiểm soát 98F7-9072 từ nhà đến khu vực bến xe khách tỉnh Bắc Ninh để tìm mua ma túy (chiếc xe trên Đ khai mượn của bà Dương Thị B, sinh năm 1975 trú tại thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B). Tại đây, Đ gặp 01 người đàn

ông tên là Đ (Đ không biết rõ tuổi, địa chỉ cụ thể của người này). Đ hỏi mua ma túy và đưa cho Đ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Đ cầm tiền rồi lấy từ túi quần ra đưa cho Đ 02 túi nilon bên trong có chứa ma túy. Đ cầm 02 túi nilon Đ vừa đưa để kiểm tra thì thấy có 01 túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ bên trong chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá; 01 túi nilon màu xanh, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, viền màu đỏ bên trong chứa các viên nén màu hồng đỏ và màu xanh là ma túy hồng phiến. Sau đó, Đ đút toàn bộ số ma túy trên vào túi áo khoác bên trái Đ đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi đi về đến khu vực thôn Đ Nghiêm, xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Hiệp Hòa phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Từ hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy nêu trên của Trần Văn Đ, tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS-HH ngày 25/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa công khai sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, như cáo trạng truy tố và nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên, rất hối hận về việc làm của mình, thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Trần Văn Đ từ 08 (Tám) năm tù đến 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam bị cáo 15/01/2021.

- *Về vật chứng*: Áp dụng điểm a, c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì có ký hiệu “QT” bên trong chứa chất ma túy đã được niêm phong là vật chứng của vụ án.

+ Trả lại bà Dương Thị B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Oriental, biển kiểm soát 98F7-9072, xe không có gương chiếu hậu, không có cánh yếm, số khung: LF3D006100, số máy: 0153530, xe đã qua sử dụng.

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo và mức án do kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép 21,321 gam ma túy Methamphetamine mục đích để sử dụng thì bị bắt quả tang. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận cho bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây tác hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của con người, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, bản sắc văn hoá, thuần phong mỹ tục của dân tộc, phá hoại hạnh phúc gia đình, tác động nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội mà Đảng và Nhà nước ta luôn trú trọng đấu tranh ngăn chặn. Hành vi phạm tội của bị cáo còn là mầm mống của các loại tội phạm khác có thể xảy ra, ảnh hưởng tới lao động sản xuất, gây hoang mang dao động và làm bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng và góp phần ngăn ngừa chung.

Xét về nhân thân: Bị cáo xuất thân từ thành phần dân lao động, có trình độ văn hóa lớp 9/12, có đầy đủ nhận thức và ý thức pháp luật về tác hại của chất ma túy đối với con người, nhưng mắc nghiện ma túy nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian đủ để bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, xét bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, vì vậy cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi lượng hình.

Đối với bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tài sản nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

- *Về vật chứng của vụ án:*

+ 01 phong bì chứa chất ma túy Methamphetamine có ký hiệu “QT” đã được niêm phong là vật chứng của vụ án, cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Oriental, biển kiểm soát 98F7-9072, xe không có gương chiếu hậu, không có cánh yếm, số khung: LF3D006100, số máy: 0153530, xe đã qua sử dụng là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Dương Thị B, cần trả lại bà Dương Thị B.

- *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Trần Văn Đ, do Đ chỉ biết tên, không biết tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xác minh làm rõ và xử lý.

Đối với bà Dương Thị B: bà B có cho Đ mượn xe chiếc xe mô tô nhãn hiệu Oriental, biển kiểm soát 98F7-9072 nhưng không biết Đ sử dụng chiếc xe để đi mua ma túy nên không có căn cứ để xem xét, xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Trần Văn Đ **08 (Tám) năm tù** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam bị cáo 15/01/2021.

- *Về vật chứng*: Áp dụng điểm a, c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì có ký hiệu “QT” bên trong chứa chất ma túy đã được niêm phong là vật chứng của vụ án.

+ Trả lại bà Dương Thị B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Oriental, biển kiểm soát 98F7-9072, xe không có gương chiếu hậu, không có cánh yếm, số khung: LF3D006100, số máy: 0153530, xe đã qua sử dụng.

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Văn Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an huyện Hiệp Hòa.
- Chi cục THADS h.Hiệp Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Bị cáo.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn